TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2025/HS-PT
Ngày 22 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 116/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Hạnh P do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2025/HS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

I. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy HỒNG

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry – Kiểm sát viên.

- Bị hại có kháng cáo: Công ty cổ phần N1; Trụ sở: Số B, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là phường M, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Cao C – Chức vụ: Trưởng phòng đầu tư Công ty cổ phần N1, có mặt.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Đặng Thị Như B – Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

II. Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Hạnh P, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1976 tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường L, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Cán bộ, đã bị Đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 31/7/2024 theo QĐ số 89 -QĐ/UBKTTU; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành B1 (đã chết) và bà Trương Ngọc Đ; vợ Lê Kim T và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2024 cho đến nay, có mặt.

(Ngoài ra còn có 07 người liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trương Xuân V1 và bà Võ Thị D có 5.200m^2 đất tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân thành phố C (viết tắt UBND thành phố C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: Y462756 ngày 10/11/2003. Ngày 20/12/2004, Chủ tịch UBND tỉnh C ra Quyết định số: 951/QĐ-CTUB phê duyệt Phương án bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Khu dân cư Nhựt Hồng do Công ty cổ phần N1 (viết tắt Công ty N1) làm chủ đầu tư, trong đó vợ chồng bà D có 2.389,5m^2 đất bị ảnh hưởng bởi dự án. Ngày 29/8/2005 UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1232/QĐ-UBND thu hồi 2.389,5m^2 đất của vợ chồng và D.

Ngày 10/9/2005, Công ty N1 có buổi làm việc với bà D đã thống nhất bồi thường theo phương thức đổi đất: Vợ chồng bà D sẽ nhận đất thổ cư có hạ tầng (nền nhà) với tỷ lệ 8% đất ruộng, 2% đất đã sang lấp thành đất vườn và 1% cây ăn trái hoa màu trên đất, tổng cộng là 11%. Công ty N1 nhận 2.389,5m^2 đất của vợ chồng bà D, bồi thường lại cho vợ chồng bà D 263m^2 (11 % x 2.389,5m^2) đất thổ cư có cơ sở hạ tầng là 02 lô nền tại vị trí ký hiệu N16 lô 33 và lô C có lộ giới 20m, mỗi lô nền có diện tích 150m^2 (ngang 5m x dài 30m), 02 lô nền = 300m^2. Phần chênh lệch dư 37m^2 Công ty N1 trích thưởng mà không tính tiền. Cuối năm 2005 vợ chồng bà D bàn giao đất, gia đình về Bạc Liêu sinh sống. Sau đó, Công ty N1 chậm giao lô nền do Dự án chậm xây dựng cơ sở hạ tầng. Khoảng năm 2014 ông Nghiêm Đình M1 – Phó giám đốc Ban N1 có điện thoại trao đổi với bà D với nội dung: Hiện tại, Công ty N1 không giao được lô nền, nếu bà D đồng ý nhận tiền thì Công ty N1 trả tiền của phần đất thu hồi. Do không thống nhất được giá đền bù nên không đi đến kết quả (trao đổi miệng, không lập biên bản). Ngày 13/5/2015, UBND thành phố C ban hành Quyết định số: 136/QĐ-UBND phê duyệt đồ án điều chỉnh

quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Nhựt Hồng. Đầu năm 2018, Dự án mới được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến đầu năm 2019 Dự án mới được mở bán.

Do chưa được nhận lô nền nên khoảng thời gian từ cuối năm 2019 đến đầu năm 2021, bà D nhiều lần nhờ Nguyễn Hạnh P là Chủ tịch UBND xã L tác động (Với vai trò Chủ tịch UBND có ý kiến về vấn đề đã thoả thuận năm 2005) để Công ty N1 sớm giao lô nền cho vợ chồng bà D.

Sau khi bà D1 nhờ P tác động Công ty N1, đầu năm 2021 P điện thoại cho ông Nguyễn Hùng C1 nói: Phúc có 03 lô nền tổng cộng 290m^2 đã mua của người khác (không nói người bán) trong Khu dân cư Nhựt Hồng cần bán lại.

Khoảng 2 tháng sau, ông C1 rủ ông Nghiêm Đình M1 (Phó Giám đốc Ban N1) cùng mua. Do có nghe bị cáo P nói đã mua 2.389,5m^2 đất của vợ chồng bà D nên biết vị trí phân lô nền mà Công ty N1 sẽ bồi thường cho bà D nên ông M1 đồng ý mua 01 lô nền, còn lại ông C1 mua 02 lô nền. Đầu tháng 3/2021, ông C1 điện thoại cho P nói đồng ý mua 03 lô nền với giá 2,5 tỷ đồng, P đồng ý bán. Sau đó P điện thoại kêu bà D gửi giấy chứng minh nhân dân của vợ chồng bà D, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ có liên quan mà vợ chồng bà D làm việc, thỏa thuận với Công ty N1. Bà D nhờ con là Trương Võ Mỹ X chụp hình các giấy tờ theo yêu cầu của P rồi gửi qua zalo cho P.

Sau khi có được giấy tờ do bà D gửi qua mạng xã hội Zalo, P in ra và nhờ ông Mạnh T1 giấy ủy quyền với nội dung: *"Ông Trương Xuân V1 cùng vợ là Võ Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Hùng C1 có quyền nhân danh và thay mặt chúng tôi thực hiện các công việc sau đây: Liên hệ với cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền để thỏa thuận bồi thường giải phóng mặt bằng của phần đất 2.389,5m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1712 do UBND thành phố C cấp ngày 10/11/2003 cho ông Trương Xuân V1 - Võ Thị D. Phạm vi ủy quyền: Toàn quyền quyết định đối với phần đất có diện tích 2.389,5m^2 nêu trên, có quyền ký tên trên các giấy tờ tài liệu văn bản có liên quan và thương lượng giá trị bồi thường khi diện tích đất nêu trên bị giải tỏa, được quyền hưởng quyền lợi liên quan đến phần đất có diện tích 2.389,5m^2 nêu trên. Thời hạn ủy quyền là kể từ ngày văn bản này được chứng thực cho đến khi thực hiện xong các công việc được ủy quyền nêu trên"*.

Thảo xong giấy ủy quyền, ông M1 gửi file mềm cho P, Phúc tự in ra, ghi thêm thông tin và giả chữ ký của ông V1 bà D ký và ghi họ tên ông V1 bà D vào giấy ủy quyền rồi đưa cho ông C1 ký tên bên người nhận uỷ quyền.

Sau đó P đưa bà Mạc Thị B2 (cán bộ tư pháp UBND xã Lý Văn L - bộ phận 1 cửa của UBND xã) bản phô tô giấy CMND của vợ chồng bà D và chỉ đạo bà B2 lập lời chứng thực (nội dung chứng thực bà B2 không biết do P không đưa bà B2 xem). Do P là Chủ tịch UBND xã nên bà B2 đã thực hiện lập lời chứng thực. Người ký chứng thực là ông Trần Quyết T2 - Phó Chủ tịch UBND xã ký chứng thực.

Nội dung chứng thực:*"Gồm các ông bà có tên: Ông (bà) Trương Xuân V1: Giấy tờ tuy thân số: 381410985 ông (bà) Võ Thị D: Giấy tờ tùy thân số:*

381388093. Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký tên vào giấy tờ, văn bản này trước mặt bà Mạc Thị B2 là người tiếp nhận hồ sơ". Số chứng thực 729, quyển số 01/2021 –SCT/CK,ĐC.

Làm xong giấy ủy quyền, P liên hệ thì ông M1 nói để báo cho Công ty N1 bồi thường lại vị trí khác so với vị trí ban đầu do thay đổi quy hoạch; lúc này P nhận tiền đặt cọc của ông C1 600.000.000 đồng (200.000.000đ/lô nền x 03 lô nền). Khi thoả thuận bán 03 lô nền thì P nói giấy tờ do P và Công ty N1 làm.

Ngày 18/5/2021, ông M1 soạn biên bản làm việc đưa cho P để P đưa cho vợ chồng bà D ký vì trong biên bản này có nội dung hủy biên bản thỏa thuận lập ngày 10/9/2005. Biên bản làm việc ngày 18/5/2021 có nội dung: "*Căn cứ Giấy ủy quyền ngày 17 tháng 5 năm 2021 của ông Trương Xuân V1 và bà Võ Thị D cho ông Nguyễn Hùng C1. Hôm nay ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại Văn phòng UBND xã L địa chỉ…Chúng tôi gồm: Đại diện UBND xã L ông Nguyễn Hạnh P; chức vụ: Chủ tịch; đại diện Công ty Cổ phần N1: Bà Lê Thị Nguyệt T3 - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần N1; Ông Lê Văn L1 - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần N1; Ông Nghiêm Đình M1: Chức vụ: Giám đốc BQLDA Công ty cổ phần N1; Chủ sử dụng đất: Ông: Nguyễn Hùng C1 – sinh năm 1983 ...Đại diện cho ông bà: Trương Xuân V1 và Võ Thị D…Theo giấy ủy quyền ngày 17/5/2021 để làm việc với Công ty cổ phần N1, là chủ sử dụng có đất 2.389,5m^2 loại đất trồng lúa nằm trong quy hoạch dự án Khu dân cư P Quốc lộ A, (Khu A) xã L, TP C do Công ty Cổ phần N1 làm chủ đầu tư. Qua buổi làm việc đại diện các bên thống nhất với nội dung như sau: Sau khi xem xét nội dung giấy ủy quyền ngày 17/5/2021 ông Nguyễn Hùng C1 đủ điều kiện làm việc với công ty Cổ phần N1 để thỏa thuận nhận bồi thường 2.389,5m^2 đất trồng lúa. Ông Trương Xuân V1 và bà Võ Thị D cam kết mọi quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh sau ngày ký biên bản làm việc này đều thuộc về ông Nguyễn Hùng C1, Ông Nguyễn Hùng C1 được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ 2.389,5m^2 đất trồng lúa trong quá trình thỏa thuận bồi thường đối với Công ty Cổ phần N1; Các bên liên quan đồng ý hủy toàn bộ nội dung biên bản số 111/BB đã ký giữa ông Trương Xuân V1 với Công ty Cổ phần N1 ngày 10/09/2005 (Biên bản mà ông D1 được nhận bồi thường 2 lô nền = 300m^2) …Ông Nguyễn Hùng C1 nhận lại các nền theo quy hoạch mới như sau: Nền số 21 lô N33 có diện tích 90m^2, nền số 10 lô N02 có diện tích 100m^2, nền số 11 lô N02 có diện tích 100m^2. Tổng diện tích là 290m^2. Như vậy, Công ty Cổ phần N1 và gia đình ông Nguyễn Hùng C1 đã cân đối xong diện tích đất nền.…Trong trường hợp phải tách thửa thì Công ty Cổ phần N1 sẽ cung cấp hồ sơ liên quan để các ông bà có tên ở trên tách thửa giao phần đất diện tích 2.389,5m^2 đất trồng lúa cho Công ty Cổ phần N1...*". P nhận biên bản làm việc và giả chữ ký của ông V1 bà D ký và ghi họ tên ông V1 bà D vào vị trí chủ sử dụng đất, rồi đưa lại cho ông M1. Theo quy định của Công ty N1, chủ đất đồng ý đổi đất thì Công ty làm thủ tục mua lại phần đất của người dân bị ảnh hưởng. Sau đó làm thủ tục bán phần đất đã có cơ sở hạ tầng của Công ty N1 cho người có đất bị ảnh hưởng.

Căn cứ vào Giấy uỷ quyền ngày 17/5/2021 và Biên bản làm việc ngày 18/5/2021, Công ty N1 và ông Nguyễn Hùng C1 xác lập Hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất đối với 2.389,5m^2 đất, giá trị thành tiền là 3.190.000.000đ (1.335.007đ/m^2 x 2.389,5m^2). Theo thoả thuận, thì Công ty N1 trả 3.190.000.000đ bằng việc giao lại 03 lô nền có diện tích 290 m^2 (Nền số 10 và 11 lô N02 có diện tích mỗi lô nền 100m^2, nền 21 lô N33 có diện tích 90m^2) nhưng lại làm Hợp đồng chuyển nhượng 03 lô nền.

Ngày 20/5/2021, ông Nguyễn Hùng C1 làm đơn đề nghị Công ty N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của gia đình ông: Nền số 10 và 11 lô N02 do ông Nguyễn Hùng C1 và bà Nguyễn Thị T4 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nền 21 lô N33 do ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông Nghiêm Đình M1 mua nhưng nhờ ông H2 và bà N đứng tên). Công ty N1 ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hùng C1 và bà Nguyễn Thị T4 200m^2 trị giá 2.200.000.000đ, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị N 90m^2 trị giá 990.000.000đ, tổng cộng 290m^2 = 3.190.000.000đ.

Ngày 11/02/2022, Sở T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 126452 cho ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị N diện tích 90m^2 tại thửa 204 tờ bản đồ số 85. Ngày 15/3/2022 Sở T cấp 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 665673 và số DD 665665 cho ông Nguyễn Hùng C1 và bà Nguyễn Thị T4, diện tích mỗi thửa 100m^2 tại thửa 225 và thửa 226 tờ bản đồ số 85. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C1 và ông M1 đã giao thêm 1.900.000.000đ còn lại. Tổng cộng P đã nhận số tiền 2,5 tỷ đồng.

Do không hay biết việc P làm giả giấy uỷ quyền và đã nhận đất bồi thường rồi đem bán đất cho ông C1, ông M1 nên bà D nhiều lần gọi điện nhờ P tác động Công ty N1 để được nhận 02 lô nền = 300m^2. P nói với bà D chỉ có nền nhỏ, lộ ngang 8m bà D cũng đồng ý. Bà D nhờ P nhận dùm, bà sẽ cho P 30.000.000đ và có ai mua 02 lô nền này bà sẽ bán. P nói với bà D là P sẽ mua với giá 1.800.000.000đ, bà D đồng ý bán. Ngày 05/8/2022, bà D và P ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 2.389,5m^2 đất. Do P giao trả tiền không đúng theo cam kết (P chỉ trả được 500.000.000đ) nên bà D không đồng ý bán. Ngày 07/9/2022, bà D và P đồng ý huỷ Hợp đồng mua bán, cùng ngày bà D chuyển trả lại P 500.000.000đ tiền bà D đã nhận.

Do không được nhận đất nền theo thỏa thuận năm 2005 nên tháng 3 năm 2023 bà D làm đơn khởi kiện Công ty N1. Đến ngày 06/4/2024 bà D biết được sự việc P đã làm giả giấy tờ và nhận đất nên bà D đã rút đơn khởi kiện Công ty N1, gửi đơn tố giác đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

Tại Bản kết luận định giá số: 03/KL-HĐĐG ngày 19/02/2025, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Cà Mau đã kết luận: Tổng giá trị quyền sử dụng đất số CM 333446, CM 333466, CM 333464 do Sở T cấp ngày 30/8/2018 tại thời điểm ngày 21/5/2021 là 3.046.160.000 đồng.

Cáo trạng số: 35/CT-VKS-P1 ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố bị cáo Nguyễn Hạnh Phúc về tội "Lạm quyền trong

khi thi hành công vụ" theo khoản 4 Điều 357 Bộ luật Hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2025/HS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 và khoản 5 Điều 357; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hạnh P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và phạm tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ".

Tuyên phạt: Bị cáo Nguyễn Hạnh P 10 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 13 năm tù về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ"; tổng hợp hình phạt chung của hai tội bị cáo Nguyễn Hạnh P phải chấp hành là 23 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 29/7/2024.

Phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Hạnh P đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công vụ 04 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Công ty cổ phần N1 được nhận số tiền 50.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Hạnh P đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau theo Biên lai thu tiền số 0000109 ngày 17/4/2025 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Hạnh P có nghĩa vụ tiếp tục hoàn trả cho Công ty cổ phần N1 số tiền 2.996.160.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm chín mươi sáu triệu, một trăm sáu chục ngàn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa ông Nguyễn Hùng C1 với Công ty cổ phần N1 về phần đất 2.398,5m^2 tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau là vô hiệu. Ông Trương Xuân V1 và bà Võ Thị D có quyền thoả thuận, khởi kiện ở một vụ án khác, theo quy định của pháp luật đối với 2.398,5m^2 đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư N; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/6/2025, bị hại Công ty cổ phần N1 kháng cáo cho rằng Công ty N1 không phải là bị hại. Bản án sơ thẩm xác định Công ty N1 là bị hại làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty N1.

Ngày 07/7/2025, bị cáo Nguyễn Hạnh P có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" như bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" thì bị cáo nhận tội và có tác động gia đình bồi thường 50 triệu. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Hạnh P thay đổi yêu cầu kháng cáo, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Do bị cáo có mẹ già, hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại Công ty cổ phần N1 có ông Bùi Cao C làm đại diện rút toàn bộ kháng cáo phần trách nhiệm dân sự và xin giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hạnh P và bị hại Công ty cổ phần N1 làm trong hạn luật định, hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hạnh P: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt mà bản án tuyên phạt đối với bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên xét mức hình phạt mà bản án sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" là nặng. Do đó, đề nghị giảm một phần hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 11 năm tù về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ".

Đối với kháng cáo của Công ty N1: Do đại diện hợp pháp của người bị hại rút toàn bộ kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến tranh luận: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình bị cáo có mẹ già là người có công. Trong quá trình điều tra bị cáo đã giao nộp tài sản là quyền sử dụng để để kê biên đảm bảo cho việc bồi thường cho bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị cáo có yêu cầu giảm hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hạnh P và kháng cáo của bị hại Công ty cổ phần N1 đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại Công ty cổ phần N1 rút toàn bộ kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự. Do đó đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 342 và khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Hạnh P phù hợp với lời khai của người bị hại, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định; biên bản định giá tài sản trong tố tung hình sự; lời khai của người làm chứng, người liên quan cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Sau khi bị cáo được bà D nhờ tác động Công ty N1 sớm giao lô nền cho vợ chồng bà D, thì P điện thoại cho ông Nguyễn Hùng C1 nói: Phúc có 03 lô nền tổng cộng 290m^2 đã mua của người khác (không nói người bán) trong Khu dân cư Nhựt Hồng cần bán lại. Ông C1 rủ ông Nghiêm Đình M1 (Phó Giám đốc Ban N1) cùng mua. P đồng ý bán 03 lô nền với giá 2,5 tỷ đồng, và ông C1 đặt cọc 600.000.000 đồng. Sau đó P điện thoại kêu vợ chồng bà D gửi chứng minh nhân dân, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ có liên quan mà vợ chồng bà D làm việc, thỏa thuận với Công ty N1 qua zalo cho P. P tiếp tục nhờ ông Mạnh T1 giấy ủy quyền với nội dung: *"Ông Trương Xuân V1 cùng vợ là Võ Thị D ủy quyền cho ông Nguyễn Hùng C1 có quyền nhân danh và thay mặt chúng tôi thực hiện các công việc sau đây: Liên hệ với cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền để thỏa thuận bồi thường giải phóng mặt bằng của phần đất 2.389,5m^2 nằm trong Giấy CNQSDĐ số 1712 do UBND thành phố C cấp ngày 10/11/2003 cho ông Trương Xuân V1 - Võ Thị D. Phạm vi ủy quyền: Toàn quyền quyết định đối với phần đất có diện tích 2.389,5m^2 nêu trên, có quyền ký tên trên các giấy tờ tài liệu văn bản có liên quan và thương lượng giá trị bồi thường khi diện tích đất nêu trên bị giải tỏa, được quyền hưởng quyền lợi liên quan đến phần đất có diện tích 2.389,5m^2 nêu trên. Thời hạn ủy quyền là kể từ ngày văn bản này được chứng thực cho đến khi thực hiện xong các công việc được ủy quyền nêu trên"*. P tự in giấy ủy quyền ra và ghi thêm thông tin và giả chữ ký của ông V1 bà D ký và ghi họ tên ông V1 bà D vào giấy ủy quyền rồi đưa cho ông C1 ký tên bên người nhận uỷ quyền.

Sau đó với chức trách là chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, P đưa bà Mạc Thị B2 (là cán bộ tư pháp UBND xã Lý Văn L - bộ phận 1 cửa) bản phô tô giấy chứng minh của vợ chồng bà D và chỉ đạo bà B2 lập lời chứng thực ủy quyền. Nhưng nội dung chứng thực thì bà B2 không biết. Do P là Chủ tịch UBND xã nên bà B2 đã thực hiện lập lời chứng thực theo ý kiến của P. Nội dung chứng thực: *"Gồm các ông bà có tên: Ông (bà) Trương Xuân V1: Giấy tờ tuy thân số: 381410985; Ông (bà) Võ Thị D: Giấy tờ tùy thân số: 381388093. Cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký tên vào giấy tờ, văn bản này trước mặt bà Mạc Thị B2 là người tiếp nhận hồ sơ"*. Số chứng thực 729, quyển số 01/2021–SCT/CK,ĐC. Người ký chứng thực là ông Trần Quyết T2 - Phó Chủ tịch UBND xã ký chứng thực.

Căn cứ vào Giấy uỷ quyền ngày 17/5/2021, Công ty N1 và ông Nguyễn Hùng C1 đã lập biên bản thỏa thuận ngày 18/5/2021, Công ty N1 và ông Nguyễn Hùng C1 xác lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 2.389,5m^2 đất, giá trị thành tiền là 3.190.000.000đ (1.335.007đ/m^2 x 2.389,5m^2). Ngày 20/5/2021, ông Nguyễn Hùng C1 làm đơn đề nghị Công ty N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của gia đình ông: Nền số 10 và 11 lô N02 do ông Nguyễn Hùng C1 và bà Nguyễn Thị T4 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nền

21 lô N33 do ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị N đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông Nghiêm Đình M1 mua nhưng nhờ ông H2 và bà N đứng tên). Công ty N1 ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hùng C1 và bà Nguyễn Thị T4 200m^2 trị giá 2.200.000.000đ, chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị N 90m^2 trị giá 990.000.000đ, tổng cộng 290m^2 = 3.190.000.000 đồng.

Ngày 11/02/2022, Sở T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 126452 cho ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị N diện tích 90m^2 tại thửa 204 tờ bản đồ số 85. Ngày 15/3/2022, Sở T cấp 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 665673 và số DD 665665 cho ông Nguyễn Hùng C1 và bà Nguyễn Thị T4, diện tích mỗi thửa 100m^2 tại thửa 225 và thửa 226 tờ bản đồ số 85. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C1 và ông M1 đã giao thêm 1.900.000.000đ còn lại. Tổng cộng P đã nhận số tiền 2,5 tỷ đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 03/KL-HĐĐG ngày 19/02/2025, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Cà Mau, kết luận: Tổng giá trị 03 quyền sử dụng đất số CM 333446, CM 333466, CM 333464 do Sở T cấp ngày 30/8/2018 2.389,5m^2 loại đất trồng lúa tại thời điểm ngày 21/5/2021 là 3.046.160.000 đồng.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Nguyễn Hạnh P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 Điều 357 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của chính quyền địa phương về thực hiện nhiệm vụ chứng thực đồng thời xâm phạm đến tài sản của người khác, gây tác hại xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng bằng khen của Chính phủ, của Ủy ban nhân dân tỉnh C và nhiều giấy khen của Ủy ban nhân dân thành phố C. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải tự nguyện giao nộp tài sản để kê biên để đảm bảo việc thi hành án và tác động gia đình nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả cho người bị hại. Gia đình bị cáo có cha ruột ông Nguyễn Thành B1 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và mẹ ruột bà Trương Ngọc Đ được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì.

Khi quyết định hình phạt, Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ.

[4] Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và không có tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã

tuyên phạt đối với bị cáo về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ" là quá nghiêm khắc. Người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo.

Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hạnh P, ý kiến của người đại diện hợp pháp của bị hại và ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm giảm một phần hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Về án phí hình sự, dân sự phúc thẩm: Bị cáo và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Công ty cổ phần N1 số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa ông Nguyễn Hùng C1 với Công ty cổ phần N1 về phần đất 2.398,5m^2 tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau là vô hiệu. Ông Trương Xuân V1 và bà Võ Thị D có quyền thoả thuận, khởi kiện ở một vụ án khác, theo quy định của pháp luật đối với 2.398,5m^2 đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư N; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 342 và khoản 1 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị hại Công ty cổ phần N1 về phần trách nhiệm dân sự.

1.2. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hạnh P xin giảm hình phạt.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2025/HS-ST ngày 26/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hạnh P.

Tuyên xử:

2.1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hạnh P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và phạm tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ".

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 4 và khoản 5 Điều 357; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hạnh P 10 (mười) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 11 (mười một) năm tù về tội "Lạm quyền trong khi thi hành công vụ".

2.3. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội: Bị cáo Nguyễn Hạnh P phải chấp hành hình phạt chung là 21 (Hai mươi mốt) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày 29/7/2024.

2.4. Phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Hạnh P đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công vụ 04 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí hình sự, dân sự phúc thẩm: Bị cáo, bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần N1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0000401 ngày 08/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh C).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa ông Nguyễn Hùng C1 với Công ty cổ phần N1 về phần đất 2.398,5m^2 tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau là vô hiệu. Ông Trương Xuân V1 và bà Võ Thị D có quyền thoả thuận, khởi kiện ở một vụ án khác, theo quy định của pháp luật đối với 2.398,5m^2 đất tọa lạc tại ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau bị ảnh hưởng bởi dự án Khu dân cư N; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)